HỘI QUÁN/PHẬT GIÁO HÒA HẢO
PANAT/HOLDING CAMP.

DANH SÁCH - CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ

SỐ THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	SANH NĂM	NGỤ TẠI	SỐ QUÂN	CẤP BẬC	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ SAU CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO: Thời gian cải tạo	Từ	Đến	Lý do	Giấy ra trại số	Ngày & nơi cấp giấy ra trại	NGÀY ĐẾN THAILAND	NGÀY NHẬP TRẠI	HOV…
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	14	15	16	17
01.	NGUYỄN THÀNH NGHĨA	1942	TX Tây Ninh - Tây Ninh	62/112651	Thiếu tá	Chi khu trưởng	Chi khu Đức Thành - Bà Rée	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cựu quân nhân	743/GRT	Thanh Hóa 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B
02	NGUYỄN HỮU HIẾU	1939	Bình Minh - Cửu long	59/510091	Đại úy	Chi đoàn trưởng	Thiết đoàn 19 Kỵ Binh	48 tháng	15.04.75	06.80	-nt-		Minh Hải	06.05.89	08.09.89	2E
03	TRẦN NGỌC TIẾNG	1949	Châu Phú - Angiang	69/518741	Trung úy	Trung đội trưởng	Trại Khu Kiến Tường	80 tháng 10 ngày	10.05.75	21.01.82	-nt-	40/GRT	Xuyên Mộc 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F
04.	PHAN THANH BẰNG	1951	Phú Tân - Angiang	71/134705	Thiếu úy	Phụ tá chi khu trưởng	P.CK Vĩnh Xương - Châu Đốc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	-nt-	82/QB/BNN	Q.Khug. 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F
05.	NGUYỄN THU BA	1939	Châu Thành - Angiang	Điện cơ 121225	Thượng sĩ I		Bộ Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	-nt-	136/QĐ	Q.Khug. 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F
06	VÕ THÁI LỘC	1943	Chợ mới - Angiang	63/171309	Trung úy (Biệt phái)	Phó ty	Ty Thanh niên - Rạch giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	-nt-	09/QĐUB	Kiên Giang 12.01.77	09.12.89	01.02.90	2L
07.	NGUYỄN VĂN TRI	1954	Sài gòn	74/143707	Sinh viên Sĩ quan		Trường Hạ Sĩ quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	-nt-	156/GRT	Thủ Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L
08.	NGUYỄN THANH HẢI	1950	Cần Thơ - Hậu Giang	70/704026	Thiếu úy	Trưởng ban phòng gian bảo mật	Ty 4 An Ninh Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	-nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C
09.	HỒ QUANG THUẬN	1963	Sóc Trăng - Hậu Giang					14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hậu Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D
10.	HUỲNH THỊ NGỌC MAI	1952	Bình minh - Cửu long					12 tháng	23.10.82	18.10.83	Kháng chiến phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L
11.	LỮ XƯỞNG	1952	Trà Cú - Cửu Long	72/703728	Trung Sĩ	Trưởng ban Văn Thư	Giang đoàn 22 Xung phong Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cửu long 21.07.78	26.04.89	23.05.89	2C
12.	ĐẶNG VĂN MINH	1953	Longxuyên - Angiang			Trợ lý giám đốc	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A
12B.	LÊ QUANG PHÚC	1944	Bạc Liêu - Minh Hải	64/101388	Trung úy	Trung đội trưởng	Đại đội 683 Biệt lập T. Khu Gia Định	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cựu quân nhân	248/QĐ	Bộ Tư lệnh Q.Khug.	30.11.89	18.12.89	2F
13.	TIÊN KIM BÉ	1953	Sóc Trăng - Hậu Giang		Thư ký	Đánh máy	Đại đội 843 Yểm trợ Q.cụ Sóc Trăng	06 Tháng	01.06.75	01.12.75	Cựu quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C
14.	HUỲNH VĂN GIÁO	1944	Long xuyên - Angiang					12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng.			06.07.89	07.09.89	2C
15.	NGUYỄN VĂN RAO	1944	Phú Châu - Angiang			Thư ký	Ban Trị Sự PGHH xã Vĩnh Lộc An Phú	03 Tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F
16.	HUỲNH VĂN BẢY	1944	Bình minh - Cửu long	64/502690	Hạ Sĩ I	Thủ kho TPPT	Tiểu đoàn 32 BĐQ	01 tháng			Cựu quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L

DANH SÁCH - CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ

PC. PO. BOX 18
PANAT NIKHOM CHONBURY 20140
THAILAND.

Chức vụ	Đơn vị sau cùng (8)	Thời gian cải tạo (9)	Thời gian cải tạo: Từ (10)	Thời gian cải tạo: Đến (11)	Thời gian cải tạo: Lý do (12)	Giấy ra trại số (13)	Ngày & nơi cấp giấy ra trại	Ngày đến Thailand	Ngày nhập trại	House	BT - PST 18	Người cùng đi (nếu có) 19	Sanh năm 20	Liên hệ gia đình 21	Ghi chú 22
[illegible] trưởng	Chi khu Đức Thành - Bến Tre	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cựu quân nhân	[illegible]43/GRT	Thanh Hóa 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B8	PST 02271				Đã được Tổng hội Cựu Tù
[illegible] trưởng	Thiết đoàn 10 Kỵ Binh	48 tháng	15.04.75	06.80	-nt-		Minh Hải	06.05.89	08.09.89	2E[illegible]	BT 50126				Nhân Chính Trị Cộng Sản VN
[illegible] trưởng	Trại Khu Kiến Tường	80 tháng 10 ngày	10.05.75	21.01.82	-nt-	40/GRT	[illegible] 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F22	BT 50549				cấp CERTIFICATION ngày Feb/12/1990 do Sincerely
chỉ huy trưởng	P.CK Vĩnh Xương - Châu Đốc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	-nt-	82/QB/BNN	Q.Khu 9. 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F10	BT 50712	Bùi Thị Tròn Phan Thị Mỹ Hạnh Phan Thị Vĩnh Trung Phan Thị Kim Ngân Phan Đức Thắng	1954 1976 1979 1984 1988	vợ con con con con	NGUYEN HAU (Ký)
	Bộ Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	-nt-	136/QĐ	Q.Khu 9. 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F18	BT 50554	Lê Kim Anh Nguyễn Ngọc Quí Nguyễn Thoại Sơn	1936 1968 1985	vợ con con	
[illegible] tùy	Ty Thanh niên - Rạch Giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	-nt-	09/QĐUB	Kiên Giang 12.01.77	09.12.89	01.02.90	2L15	PST 03042	Võ Thanh Bình	1969	con	
	Trường Hạ Sĩ quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	-nt-	156/GRT	Thủ Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L16	PST 03126	Nguyễn Văn Tâm	1966	Em ruột	Tham gia Mặt Trận Dân Quân Phục Quốc ngày 15/10/75 đến ngày 06/04/76.
[illegible] phòng giam bảo mật	Ty 4 An Ninh Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	-nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C19	BT 050100	Nguyễn Ngọc Thu Nguyễn Thị Giang Thanh Nguyễn Thanh Bình	1951 1986 1988	vợ con con	
		14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hậu Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D4	BT 3724				Tham gia từ tháng 3/81 đến 10/11/81 bị bắt
		12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khôi phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L4	PST 03174				Th/gia Kháng chiến Phục Quốc từ ngày 16/5/82 đến 23.10.82.
[illegible]an Văn Thư	Giang đoàn 22 Xung phong Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cửu Long 21.07.78	26.04.89	23.05.89	2C35	BT 3580	Lữ Thái	1966	Em ruột	Th/gia vụ án Cao Đài - Bạo loạn lật đổ chính quyền. Từ Th 01/83 đến Th 02/83, bị bắt 8 tháng 6 ngày
[illegible] giám đốc	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A40	PST 03684	Đặng Giang Minh Tùng	1974	con.	
[illegible] trưởng	Đại đội 683 Biệt Lập T.Khu Gia Định	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cựu quân nhân	248/QĐ	Bộ Tư lệnh Q.Khu 9.	30.11.89	18.12.89	2F23	BT 50917.				Đã gởi Hồ Sơ cho Hội CTNCT ngày 6/3/90.
[illegible]	Đại đội 843 Yểm trợ Q.Cụ Sóc Trăng	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cựu quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50095				Mất giấy cải tạo
		12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng.			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50095				-nt-
[illegible]	Ban Trị Sự PGHH xã Vĩnh Lộc An Phú	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F9	BT 50710	Bùi Thị Nang Nguyễn Tấn An	1946 1969	vợ con.	-nt-
Kho TPPT	Tiểu đoàn 32 BĐQ	01 tháng			Cựu quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L25	PST 03158	Huỳnh Văn Phương	1983	con.	-nt-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
17	PHAN BÁ BÁCH	1946	Phú Tân - Angiang			Phó Kiểm Soát	Ngân hàng quốc gia VN	14 ngày	01.06.75	15.06.75	Công chức			14.04.89	05.09.89	2D
18	NGUYỄN THẾ [illegible]	1942	Chợ mới - Angiang	69/525298	Binh II		Sư đoàn 9 BB	14 tháng	[illegible] 77	[illegible] 78	Cựu quân nhân			29.12.89	16.01.90	2C
19	ĐOÀN VĂN CÔ	1932	Chợ mới - Angiang			Trưởng ban	Sở quan thuế Hà Tiên Châu Đốc				Công chức			07.11.89	13.12.89	2F
20	LÊ VĂN SỰ	1956	Châu Thành - Angiang				Nhân dân Tự vệ	03 ngày	05.05.75	08.05.75				23.09.89	06.10.89	2E
21	NGUYỄN KIM HOÀNG	1958	Sài gòn	KBC 3358	Tân bình		Trung tâm huấn luyện - Rừng Sát	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15495/CN	Saigon 31.07.75	06.05.89	08.09.89	2E1
22	DƯƠNG NGỌC THƠ	1958	Thốt Nốt - Hậu Giang				Bảo An Hòa Hảo	07 ngày						30.12.89	05.02.90	2L2
23	TRẦN VĂN THUẤN	1955	Cái Vung - Đồng Tháp				Nhân dân Tự vệ	03 ngày						30.12.89	05.02.90	2L
24	ĐẶNG VĂN HÙNG	1957	Bình Minh - Cửu Long				Nhân dân Tự Vệ	20 ngày						16.01.90	25.02.90	2L3
25	ĐẶNG NGỌC QUANG	1953	Thanh Hưng - Đồng Tháp	53/340486	Binh II	Ban I	Tiểu đoàn 441 ĐPQ TK Sa Đéc	07 ngày			Cựu quân nhân			16.02.90	13.03.90	
26	BÙI VĂN KẾ	1956	Bình Đức - Angiang	76/502032	Binh II		Tiểu đoàn 328 ĐPQ				Tham gia phục quốc			27.10.89	22.12.89	2B6

Tổng kết danh sách gồm
Tất cả chi tiết ghi trên đây là [illegible]
trách nhiệm với những lỗi kh[illegible]
Làm tại Panat[illegible]
TM/B[illegible]

7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Kiểm Soát	Ngân hàng quốc gia VN	14 ngày	01.06.75	15.06.75	Công chức			14.04.89	05.09.89	2D16	BT 3989				mất gốc cải tạo
	Sư đoàn 9 BB	[illegible] tháng			Cựu quân nhân			29.12.89	16.01.90	2C4	PST 02695				
Tòng bạ[illegible]	Sở quan Thuế Hà Tiên Châu Đốc			-nt-	Công chức			07.11.89	13.12.89	2F5	BT 50862				
	Nhân dân Tự Vệ	03 ngày	05.05.75	08.05.75				23.09.89	06.10.89	2F35	BT 50382	Huỳnh Hồng Sen Lê Thanh Hiếu Lê Thanh Thảo Lê Thanh Hằng	1956 1978 1981 1983	Vợ con con con	
	Trg tâm huấn luyện Rừng Sát	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15495/CN	Saigon 31.07.75	06.05.89	08.09.89	2E1	BT 50217				Cố gắng cải tạo
	Bảo An Hòa Hảo	07 ngày						30.12.89	05.02.90	2L25	PST 3165	Dương Thị Tiếm	1956	[illegible]	mất gốc cải tạo
	Nhân dân Tự Vệ	03 ngày						30.12.89	05.02.90	2L33	PST 3149				-nt-
	Nhân dân Tự Vệ	20 ngày						11.01.90	25.01.90	2L36	PST 289	Trần Hồng Thắm Đặng Trường Giang Đặng Hồng Thọ Đặng Thị Mai	1953 1984 1987 1985	Vợ con con con	-nt-
an I	Tiểu đoàn 441 ĐPQ TK Sa Đéc	07 ngày			Cựu quân nhân			16.02.90	13.03.90		PST 3685				
	Tiểu đoàn 328 ĐPQ				Tham gia phục quốc			27.10.89	22.12.89	2B6	PST 02165	Lê mai Bùi văn Khanh Bùi văn Khương Bùi văn Ngạc	1958 1983 1985 1987	Vợ con con con	Theo Tây quân sang Kampuchea

Tổng kết danh sách gồm 27 form (có 12 BC).

Tất cả chi tiết ghi trên đây là sự thật. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những lời khai này.

Làm tại Panat Holding Camp ngày 26 - 03 - 1990

TM/BĐD/HQ/PGHH/Panat Holding

TRẦN NGỌC TIẾNG

Panat, ngày 27-03-1990.

Kính thưa chị.

Trước hết, chúng em xin phép được gởi đến chị lòng cảm kính và chân thành trìu mến chị cùng thành kính nguyện cầu sức khỏe của chị và gia đình.

Kèm theo đây, qua chỉ dẫn của VP/GH/PGHH/HN (Lê Thái Hòa VP/BTS/PGHH/HN) chúng em gởi đến chị Danh sách lý lịch Tiểu Tù Nhân/Chính trị, Tôn giáo/PGHH. Kính mong chị cảm thông và giúp đỡ cho tín đồ chúng em - Chị cũng đã biết - Giữa chúng em và Cộng sản - "Không thể đội chung trời...."

...Chạy khỏi ách Cộng sản đến đây - Không biết bao giờ chúng em mới thoát khỏi cảnh này...

Trong khi chờ đợi - Kính xin chị nhận nơi đây lòng thành kính và biết ơn của chúng em.

Kính thơ

TM/BĐD/HQ/PGHH/Holding.

Trần Ngọc Tiếng.

Địa chỉ: Lê Thái Hòa
VP/BTS/PGHH/HN
585 E. University Blvd
Silver Spring. MD 20901
-USA-

[redacted]

จดหมายอากาศ
AEROGRAMME

asean

พนัสนิคม 20140 17 FEB 2533 PHANAT NIKHOM

An - Bé
Thơ cho
cụ Tiếng
nếu cần báo
trở thì gửi Eng.

FEB 2 2 1990

Nguyễn thị Minh Phương (KMT)
P.O. Box 5435 ARLINGTON
VA 22205_0635

USA

ชื่อและที่อยู่ของผู้ฝาก SENDER'S NAME AND ADDRESS

Trần ngọc Tiếng _ BT050549 _ House # 2F22 _ PcPoBox 18
Panat Nikhom _ ChonBury 20140 _ Thailand THAILAND

ถ้าสอดสิ่งใดไว้ในซอง จะส่งจดหมายอากาศนี้ไปทางธรรมดา IF ANYTHING IS ENCLOSED THIS AIR LETTER WILL BE SENT BY SURFACE MAIL

← TO OPEN SLIT HERE →

Panat 13.2.90

Minh Phương,

Nhận được thơ của em tôi (Trần công Tư) hơn một tháng nay - Trong thư có địa chỉ của Minh Phương - Khổ nỗi, em tôi lại không nói rõ quan hệ giữa chúng tôi và Minh Phương thế nào (?) - Tôi do dự và... mất ngủ nhiều đêm... Không có lý nào (?)...

(Nghi ngờ, nhưng tôi lại nguyện cầu... đúng thật như vậy...)

" " "

Còn bây giờ, dầu thế nào đi nữa, quyền quyết định về liên hệ tình cảm... Cách xưng hô - là do ở Minh Phương. Bởi sự thật rất hiển nhiên trước mắt là Minh Phương đã ở USA... phần tôi còn nằm trại cấm chờ... "thanh lọc"! - Một người ở Thiên đàng và một kẻ còn nằm trong... địa ngục!

" " "

Tuy vậy, Tôi nguyện cầu Minh Phương vui vẻ cho tôi được phép cầu chúc Minh Phương mọi sự như ý và... trẻ mãi không già!

Cũng gởi lời thăm tất cả gia quyến...

Ngày đêm tôi mong mỏi hồi âm

xin tạm dừng bút

Trần ngọc Tiếng

Bể mỉ lưu số vết
lên list Gởi Dì
Tư lâu bảo họ
về lại Hảo.

APR 0 3 1990

พิษณุโลก
20140
28 MAR
2533
PHANAT NIKHOM

Khúc Minh Thơ
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635
USA

5435 30530304 ** CR 6009
***** AUTOMATED MAIL (MUM) *****

PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

BY AIR MAIL
PAR AVION

Trần ngọc Tiếng
BBD/HQ/PGHH/Holding
BT050549 - House #2F22 - P.O.Box 18
Panat Nikhom - ChonBury 20140
Thailand

CONTROL

_____ Card
_____ Doc.Request;Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date __________
_____ Membership;Letter 4/21/90